TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1103/2025/DS-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hà Thiên Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy

2. Ông Phạm Minh Tuấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Trang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Huỳnh Tấn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 633/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 497/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Ngọc D, sinh ngày: 01/6/1989

Căn cước số: 079189001803, ngày cấp: 10/7/2021

Địa chỉ: 6.02 Lô H, chung cư P, Quận D (nay là phường K), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Bà Vi Thị N, sinh năm 1995

(Đại diện theo giấy ủy quyền số công chứng: 00003865, quyển số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/4/2025 tại Văn phòng C) (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Bảo T, sinh ngày: 28/02/1973

Căn cước số: 079073047079, ngày cấp: 27/12/2022

Địa chỉ: 3 C, Phường A, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Bà D quen biết với ông T qua bạn bè giới thiệu, khi ông T gặp khó khăn tiền bạc để làm ăn có nhờ bà D giúp cho vay tiền. Bà D đã cho ông T vay số tiền cụ thể sau:

Ngày 09/7/2024, bà D cho ông T vay số tiền 715.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 09/7/2024. Ông T cam kết sẽ trả số tiền nợ này làm 03 đợt, cụ thể: Đợt 1, ngày 09/8/2024 thanh toán 50.000.000 đồng; đợt 2, ngày 09/9/2024, thanh toán 50.000.000 đồng; đợt 3, ngày 09/10/2024, thanh toán số tiền nợ còn lại.

Ngày 10/7/2024, bà D cho ông T vay số tiền 80.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 10/7/2024. Ông T cam kết trả số tiền nợ này vào ngày 09/8/2024.

Ngày 15/7/2024, bà D tiếp tục cho ông T vay số tiền 105.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 15/7/2024. Ông T cam kết trả số tiền này vào ngày 15/8/2024.

Đến thời hạn trả nợ theo cam kết, ông T không trả nợ cho bà D, bà D đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà D trình bày, số tiền bà D cho ông T vay là tiền riêng của bà D, không liên quan đến ai.

Bà Huỳnh Thị Ngọc D yêu cầu ông Bảo T trả ngay một lần số tiền nợ gốc là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm trả, cụ thể:

- Đối với số tiền gốc: 715.000.000 (bảy trăm mười lăm triệu) đồng: Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/10/2024 đến ngày 10/9/2025 (11 tháng) là 65.541.667 (sáu mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

- Đối với số tiền gốc: 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng: Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/8/2024 đến ngày 10/9/2025 (13 tháng) là 8.666.666 (tám triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

- Đối với số tiền gốc: 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng: Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 16/8/2024 đến ngày 16/9/2025 (13 tháng) là 11.375.000 (mười một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Bà Huỳnh Thị Ngọc D không yêu cầu tính lãi chậm trả tiếp tục từ ngày 16/9/2025.

Bị đơn ông Bảo T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hoà giải cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng ông T không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và xét xử vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật về tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ giai đoạn thụ lý đến khi nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật, đầy đủ. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản pháp luật nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay là vi phạm quy định pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các giấy vay tiền ngày 09/7/2024, ngày 10/7/2024 và ngày 15/7/2024 do ông Bảo T ký có cơ sở xác định ông Bảo T có vay tiền của bà Huỳnh Thị Ngọc D, tổng số tiền ông T còn nợ bà D là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng, khi đến hạn trả nợ, ông T không trả nợ cho bà D. Bà D yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi suất trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất 10%/ năm là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại Phường A, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.1] Xét Giấy ủy quyền số công chứng 00003865, quyển số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/4/2025 tại Văn phòng C của bà Huỳnh Thị Ngọc D ủy quyền cho bà Vi Thị N tham gia tố tụng giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Bảo T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ nhưng bị

đơn vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về pháp luật áp dụng: Các bên xác lập giao dịch dân sự tháng 7/2024 nên áp dụng quy định pháp luật tại thời điểm phát sinh giao dịch để điều chỉnh và xét xử.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1]. Về yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Đối với các giấy mượn tiền ngày 09/7/2024, ngày 10/7/2024 và ngày 15/7/2024 là chứng cứ bà D nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu… mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hoà giải cũng như các văn bản tố tụng khác cho ông T. Tuy nhiên, ông T vắng mặt trong quá trình Tòa tiến hành tố tụng và không có văn bản phản đối chứng cứ do bà D đưa ra nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà bà D nộp cho Tòa án để xét xử vụ án.

Căn cứ vào các giấy mượn tiền ngày 09/7/2024, ngày 10/7/2024 và ngày 15/7/2024 có cơ sở xác định ông Bảo T có vay của bà Huỳnh Thị Ngọc D tổng số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng, ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà D số tiền 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng trong thời hạn cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 715.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 09/7/2024, hạn cuối phải trả hết số tiền nợ là ngày 09/10/2024.

- Đối với số tiền 80.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 10/7/2024, hạn cuối phải trả nợ là ngày 09/8/2024.

- Đối với số tiền 105.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 15/7/2024, hạn cuối phải trả nợ là ngày 15/8/2024.

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn".* Tuy nhiên cho đến nay, đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà D là vi phạm những điều kiện đã đã thỏa thuận tại hợp đồng vay tiền, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc bà D khởi kiện ông T yêu cầu trả tổng số tiền nợ gốc là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về yêu cầu trả tiền nợ lãi:

Căn cứ các giấy mượn tiền ngày 09/7/2024, ngày 10/7/2024 và ngày 15/7/2024, ông T vay tiền của bà D thuộc trường hợp vay không có lãi suất nhưng có thời hạn trả nợ.

Tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Trường hợp vay không có lãi suất mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả…"*. Ông T vay tiền của bà D nhưng khi đến hạn ông T không trả, như vậy bà D yêu cầu ông T trả tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/ năm là phù hợp, cụ thể lãi suất trên các khoản tiền vay như sau:

- Đối với số tiền gốc 715.000.000 (bảy trăm mười lăm triệu) đồng, hạn cuối trả nợ là ngày 09/10/2024; bà D chỉ yêu cầu tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/10/2024 đến ngày 10/9/2025 (11 tháng) là 65.541.667 (sáu mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi mốt nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

- Đối với số tiền gốc: 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, hạn cuối trả nợ là ngày 09/8/2024; bà D chỉ yêu cầu tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/8/2024 đến ngày 10/9/2025 (13 tháng) là 8.666.666 (tám triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

- Đối với số tiền gốc: 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng, hạn cuối trả nợ là ngày 15/8/2024; bà D chỉ yêu cầu tiền lãi chậm trả tính từ ngày 16/8/2024 đến ngày 16/9/2025 (13 tháng) là 11.375.000 (mười một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị Ngọc D không yêu cầu tính lãi chậm trả tiếp tục từ kể từ ngày 16/9/2025.

Do thời hạn ông Bảo T không thanh toán số tiền còn thiếu cho bà Huỳnh Thị Ngọc D đã lâu làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn ông Bảo T trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc D số tiền nợ gốc và lãi là 985.583.333 (chín trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng (trong đó: Tiền nợ gốc là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng, tiền nợ lãi là 85.583.333 (tám mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị Ngọc D không yêu cầu tính lãi chậm trả tiếp tục kể từ ngày 16/9/2025.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bảo T phải chịu án phí sơ thẩm là 41.567.500 (bốn mươi mốt triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng.

Bà Huỳnh Thị Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.221.250 (hai mươi triệu, hai trăm hai mươi mốt nghìn, hai trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tiền số 0075958 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Hà Thiên Tâm